TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 556/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hồ Hoàng Việt

2/ Ông Nguyễn Thanh Toàn

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2024/TLST-HNST ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2024/QĐXX-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Tiến P, sinh năm 1990 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường T, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Võ Hồng Phương T, sinh năm 1990 (có yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Số B Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của ông Trần Tiến P và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tiến P và bà Võ Hồng Phương T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129, Quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/09/2015. Hai người chung sống hạnh phúc được 1,5 năm thì xảy ra mâu thuẫn, không ai quan tâm đến ai, nay cả hai đã ly thân và đều có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Ông P và bà T có 01 con chung tên là Trần H (nam), sinh ngày 19/11/2015. Ông P yêu cầu bà T nuôi con chung cho đến khi cháu tròn 12 tuổi, sau đó ông P sẽ nuôi, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Tài sản chung, nợ chung: Ông P xác nhận không có.

* Bà Võ Hồng Phương T trình bày trong bản tự khai ngày 29/7/2024 như sau: Bà đồng ý ly hôn với yêu cầu ly hôn của ông P. Bà và ông P có một con chung là Trần H, sinh ngày 19/11/2015, bà đồng ý nuôi con đến năm 12 tuổi, sau đó ông P sẽ nuôi con. Bà đồng ý việc ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung: bà T xác nhận không có. Do bà T bận đi làm nên bà T xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Trần Tiến P có yêu cầu được ly hôn với bà Võ Hồng Phương T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do bị đơn bà Võ Hồng Phương T có nơi cư trú tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 không tham gia phiên tòa.

[1.3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Trần Tiến P1 và bị đơn bà Võ Hồng Phương T đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 129, Quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/2015, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Tiến P và bà Võ Hồng Phương T là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Ông P và bà T kết hôn năm 2015. Do mâu thuẫn, hai người mạnh ai nấy sống, nay tình cảm không còn, ông P nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà T. Bà Võ Hồng Phương T cũng đồng ý ly hôn với ông P.

Xét, do giữa ông P và bà T không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay bà T đã có cuộc sống riêng, hai người mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên việc ông P có yêu cầu được ly hôn với bà T là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[2.3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (bản sao) số 360, Quyển số 02/2015 có cơ sở để xác định ông P và bà T có 01 con chung tên là Trần H (nam), sinh ngày 19/11/2015. Ông P có yêu cầu bà T nuôi con chung đến khi cháu Trần Huỳnh t 12 tuổi, bà T đồng ý nuôi con, trẻ Trần Huỳnh hiện nay đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ là bà T khi cha mẹ ly hôn, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân và Gia đình thì cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, do đó Hội đồng xét xử giao trẻ Trần H (nam), sinh ngày 19/11/2015 cho bà T nuôi dưỡng cho đến khi trẻ trưởng thành.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Tiến P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Tiến P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2, Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 các Điều 207, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Tiến P.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Tiến P được ly hôn với bà Võ Hồng Phương T.

[1.2] Về con chung: Bà Võ Hồng Phương T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần H (nam), sinh ngày 19/11/2015 cho đến khi trẻ trưởng thành.

Ông Trần Tiến P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Tiến P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Trần Tiến P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Trần Tiến P phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Trần Tiến P

phải chịu. Ông Trần Tiến P đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0019533 ngày 09/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Tiến P đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- UBND xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (tk. Dung).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân